

XÂY DỰNG KHUNG NĂNG LỰC TỰ HỌC CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRONG DẠY HỌC HÓA HỌC THEO MÔ HÌNH BLENDED LEARNING

Nguyễn Văn Đại - Đào Thị Việt Anh
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Ngày nhận bài: 11/3/2019; ngày chỉnh sửa: 25/3/2019; ngày duyệt đăng: 29/3/2019.

Abstract: Blended learning is a learning model that is being applied more and more widely in many countries in the world such as the US, Australia,... This model has many advantages in developing students' self-study competency. This article proposes 3 principles and a process of 7 steps to develop framework of self-study competency of high school students in teaching Chemistry using Blended learning model, which consists of 4 elemental competencies with 10 criteria (expression).

Keywords: Self-study competency, Blended learning, student, teaching Chemistry.

1. Mở đầu

Tự học và phát triển năng lực tự học (NLTH) đã và đang là xu thế tất yếu và là một trong những vấn đề cơ bản của quá trình dạy học ở các cấp học, bậc học. Theo Trần Bá Hoành: tự học không chỉ là biện pháp, phương tiện nâng cao hiệu quả dạy học mà còn là mục tiêu dạy học [1].

Định hướng cho đổi mới căn bản và toàn diện GD-ĐT ở nước ta, Nghị quyết số 29-NQ/TW đã nhấn mạnh: tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực (NL) [2]. Theo chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, NLTH là một trong những NL cơ bản, cần hình thành và phát triển cho học sinh (HS) thông qua các môn học và hoạt động giáo dục [3].

Để tìm ra các biện pháp phát triển NLTH và đánh giá hiệu quả của các biện pháp đề ra, việc xây dựng khung NLTH là cần thiết. Ở Việt Nam, đã có một số nghiên cứu về biện pháp phát triển NLTH trong dạy học Hóa học như: Nguyễn Thị Ngà [4]; Nguyễn Thị Thanh [5]; Lưu Thị Lương Yên, Nguyễn Thị Ngọc Bích [6]... Bài viết đề xuất khung NLTH của HS trung học phổ thông trong quá trình dạy học môn *Hóa học* theo mô hình Blended learning (gọi tắt là BL).

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Mô hình Blended learning

Hiện nay, có nhiều quan điểm khác nhau khi định nghĩa về BL. BL xuất phát từ nghĩa của từ "blend", nghĩa là "pha trộn/kết hợp". CJ Bonk và CR Graham đã tổng kết 3 nhận định của các nhà khoa học về sự kết hợp trong BL, đó là: 1) Kết hợp các phương tiện và tư liệu dạy học;

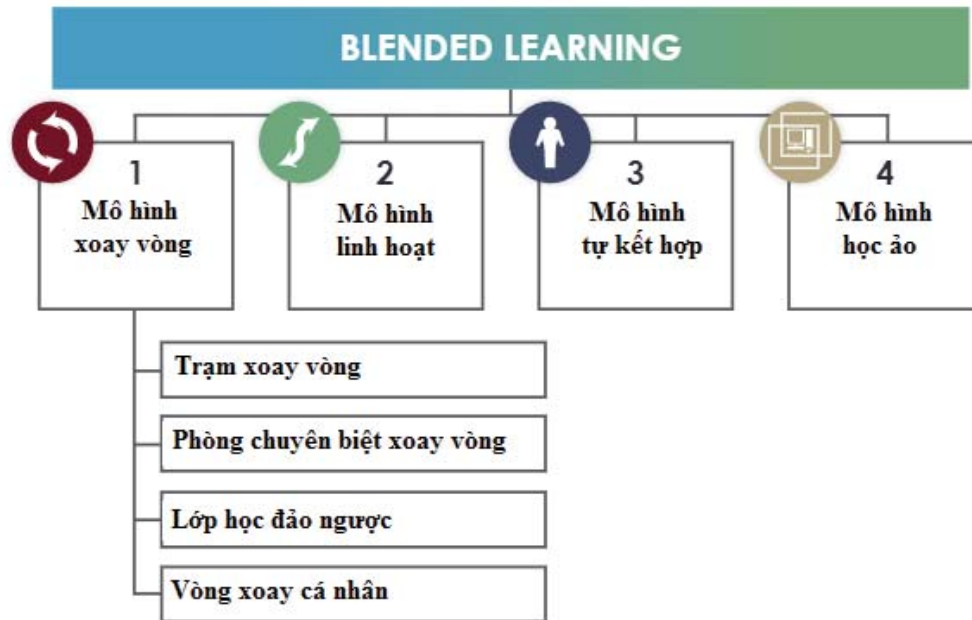
2) Kết hợp giữa các phương pháp dạy học; 3) Kết hợp dạy học trực tuyến và hướng dẫn mặt đối mặt [7].

Theo chúng tôi: *Blended learning là sự kết hợp thống nhất và bổ sung lẫn nhau giữa dạy học trực tuyến qua mạng internet với tính tự lực cao của HS và dạy học trực tiếp trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên (GV) nhằm giúp HS đạt được mục tiêu học tập đề ra trong quá trình chiếm lĩnh cùng một nội dung/chủ đề học tập.*

BL phát huy được thế mạnh của cả dạy học trực tuyến và dạy học trực tiếp, có các ưu điểm như: giúp cho quá trình học tập trở nên linh hoạt, HS có thể học tập theo nhu cầu, hoàn cảnh của mình; học tập không bị giới hạn về không gian và thời gian; cá nhân hóa việc học tập của HS; tận dụng các lợi thế của công nghệ thông tin & truyền thông trong dạy học giúp HS học tập một cách chủ động và tích cực,... BL đã phản ánh các giá trị giáo dục và góp phần rèn luyện cho HS các kỹ năng học tập cần thiết ở thế kỉ XXI, đặc biệt là tăng cường tự học và phát triển NLTH cho HS.

Hiện nay, có rất nhiều mô hình BL khác nhau được tạo nên từ sự kết hợp giữa 2 thành phần dạy học trực tuyến và dạy học trực tiếp theo tỉ lệ về thời lượng, trình tự và ở các cấp độ khác nhau. Staker, H., và Horn, M. B đã đưa ra 4 mô hình BL gồm: 1) *Mô hình xoay vòng*; 2) *Mô hình linh hoạt*; 3) *Mô hình tự kết hợp*; 4) *Mô hình học ảo* (xem sơ đồ 1) [8].

Nghiên cứu của Carman còn nhấn mạnh 5 thành phần quan trọng để thiết kế được một quá trình BL trong dạy học, gồm: 1) *Hoạt động đồng bộ*; 2) *Hoạt động không đồng bộ*; 3) *Hợp tác*; 4) *Đánh giá*; 5) *Tài liệu hỗ trợ* [9]. 5 thành phần này phản ánh các hoạt động học tập chính và công cụ hỗ trợ cần thiết cho HS trong quá trình học tập theo mô hình BL.



Sơ đồ 1. Các mô hình Blended learning

Trong điều kiện giáo dục phổ thông ở Việt Nam, chúng tôi lựa chọn và tập trung nghiên cứu mô hình lớp học đảo ngược là một trong 4 mô hình xoay vòng mà Staker, H., & Horn, M.B đề xuất. Với mô hình này, HS học tập luân phiên theo lịch trình cố định giữa hoạt động học tập qua internet ngoài giờ lên lớp (với các nội dung, hướng dẫn trực tuyến) và học tập trên lớp học truyền thống (với các hoạt động: thực hành, trải nghiệm, khám phá, hợp tác vận dụng kiến thức,...) dưới sự hướng dẫn của GV khi chiếm lĩnh cùng một nội dung/chủ đề học tập. Tiến trình dạy học theo mô hình lớp học đảo ngược có thể chia thành 03 giai đoạn: 1) Trước khi đến lớp; 2) Trên lớp học; 3) Sau khi lên lớp. Các nội dung cơ bản được HS chiếm lĩnh thông qua hoạt động tự học có hướng dẫn trong môi trường trực tuyến ở giai đoạn 1); các nội dung khó hơn được HS trao đổi, thảo luận ở lớp học trực tiếp, được tương tác trực tiếp với thầy, cô và bạn học ở giai đoạn 2); giai đoạn 3) dành cho việc luyện tập theo nhu cầu và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Nội dung học tập trên lớp không lặp lại nội dung mà HS đã được học ở lớp học trực tuyến mà là sự phát triển nối tiếp và hoàn thiện.

2.2. Tự học và năng lực tự học của học sinh trung học phổ thông

Tự học có vai trò quan trọng để nâng cao kết quả học tập của HS và chất lượng giáo dục của mỗi nhà trường. Theo Nguyễn Cảnh Toàn: tự học là tự mình động não, suy nghĩ, sử dụng các NL trí tuệ (so sánh, quan sát, phân

tích, tổng hợp,...) và có khi cả cơ bắp cùng các phẩm chất của mình, cả động cơ, tình cảm, nhân sinh quan, thế giới quan (trung thực, khách quan, có chí tiến thủ, không ngại khó,...) để chiếm lĩnh kiến thức thuộc một lĩnh vực nào đó [10].

Bản chất của tự học là hình thức học tập mang đậm dấu ấn cá nhân, đòi hỏi người học phải ý thức được mục tiêu và nhiệm vụ học tập, tự đưa ra kế hoạch và điều khiển, điều chỉnh, khám phá kiến thức nhằm chuyển hóa thành tri thức riêng của mình, vận dụng tri thức vào giải quyết các tình huống học tập; tự đánh giá quá trình học tập. Trong dạy học ở trường phổ thông, tự học là biểu hiện cụ thể của việc đổi mới phương pháp dạy học, đáp ứng quan điểm dạy học lấy HS làm trung tâm, góp phần giải quyết được mâu thuẫn giữa khối lượng kiến thức lớn mà HS cần lĩnh hội với quỹ thời gian học tập rất ngắn ở trên lớp.

Theo [11]: NLTH là khả năng tự mình sử dụng các NL trí tuệ và có khi cả NL cơ bắp cùng các động cơ, tình cảm, nhân sinh quan, thế giới quan để chiếm lĩnh một lĩnh vực hiểu biết nào đó của nhân loại, biến lĩnh vực đó thành sở hữu của mình.

Dựa vào những phân tích về bản chất của tự học và NLTH, theo chúng tôi: NLTH của HS trung học phổ thông trong dạy học theo mô hình BL là *khả năng HS vận dụng một cách linh hoạt, chủ động kiến thức, kỹ năng, động cơ, tình cảm, ... hiện có để thực hiện thành công các nhiệm vụ học tập (gồm các nhiệm vụ học tập*

trực tuyến qua internet và trực tiếp trên lớp học), được GV thiết kế và tổ chức theo tiến trình của mô hình BL được lựa chọn nhằm đạt được mục tiêu học tập đề ra.

2.3. Xây dựng khung năng lực tự học của học sinh trung học phổ thông trong dạy học Hóa học theo mô hình Blended learning

2.3.1. Nguyên tắc xây dựng khung năng lực tự học của học sinh trung học phổ thông trong dạy học Hóa học theo mô hình Blended learning

Để xây dựng khung NLTH của HS trung học phổ thông trong dạy học Hóa học theo mô hình BL, chúng tôi dựa trên 3 nguyên tắc chính sau:

Nguyên tắc 1. Đảm bảo tính hệ thống, khoa học và toàn diện. Khung NLTH được xây dựng gồm các NL thành tố và các tiêu chí cần logic, rõ ràng, có sự tương quan hợp lý, thể hiện toàn diện các biểu hiện tự học cơ bản nhất của HS ở trường phổ thông. Các NL thành tố, tiêu chí cần được mô tả chính xác, khoa học, dễ hiểu, phân chia các mức độ biểu hiện từ thấp đến cao.

Nguyên tắc 2. Đảm bảo phù hợp với đối tượng HS trung học phổ thông và mô hình BL được lựa chọn. Các NL thành tố của NLTH, các tiêu chí và mức độ biểu hiện cần gắn với hoạt động và kỹ năng học tập chính của HS theo tiến trình của mô hình BL được lựa chọn, các mức độ biểu hiện cần phù hợp với đặc điểm tâm lý và khả năng nhận thức của HS trung học phổ thông.

Nguyên tắc 3. Đảm bảo tính khách quan, tin cậy. Khung NLTH được đề xuất cần lấy ý kiến của các chuyên gia giáo dục, GV có nhiều kinh nghiệm và được tiến hành thử nghiệm trong dạy học Hóa học ở trường trung học phổ thông.

2.3.2. Quy trình xây dựng khung năng lực tự học của học sinh trung học phổ thông trong dạy học Hóa học theo mô hình Blended learning

Khung NLTH của HS trong dạy học Hóa học theo mô hình BL được chúng tôi xây dựng theo quy trình gồm 7 bước (xem sơ đồ 2):

Bước 1: Định nghĩa NLTH của HS trung học phổ thông trong dạy học theo mô hình BL.

Bước 2: Xác định căn cứ để xây dựng khung NL. Để xây dựng khung NLTH phù hợp với thực tiễn giáo dục ở Việt Nam, chúng tôi dựa vào các căn cứ sau: 1) *Biểu hiện NLTH của HS trung học phổ thông được xác định trong Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể*, gồm: - Xác định được nhiệm vụ học tập dựa trên kết quả đã đạt được; biết đặt mục tiêu học tập chi tiết, cụ thể, khắc phục những hạn chế; - Đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập; hình thành phong cách học riêng của bản thân; tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp với mục đích, nhiệm vụ học tập khác nhau;

ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết; - Tự nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập; tự đánh giá về phong cách học tập của bản thân, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác; biết tự điều chỉnh cách học của mình; - Biết thường xuyên tu dưỡng theo mục tiêu phấn đấu cá nhân và các giá trị công dân [1]; 2) Đặc điểm của mô hình BL được lựa chọn, cụ thể là mô hình lớp học đảo ngược. Việc xây dựng khung NLTH ngoài dựa vào các biểu hiện chung còn cần dựa vào các hoạt động/kỹ năng học tập của HS theo tiến trình của mô hình lớp học đảo ngược, đặc biệt là khâu thực hiện kế hoạch tự học (với các hoạt động như: học trực tuyến với bài giảng/học liệu được cung cấp; tìm kiếm thông tin/tài liệu trên mạng internet; trao đổi với thầy cô, bạn học; ghi chép và trình bày kết quả học tập).



Sơ đồ 2. Quy trình xây dựng khung NLTH của HS trung học phổ thông trong dạy học Hóa học theo mô hình BL

Bước 3: Xây dựng khung NL dự thảo. Chúng tôi đề xuất khung NLTH của HS trung học phổ thông trong dạy học Hóa học theo mô hình BL gồm 4 NL thành tố: 1) NL xác định mục tiêu học tập; 2) NL lập và điều chỉnh kế hoạch học tập; 3) NL thực hiện kế hoạch học tập; 4) NL

đánh giá, cải thiện việc học. Sau khi đề xuất các NL thành tố, chúng tôi tiến hành mô tả các tiêu chí của mỗi NL. Khung NL dự thảo được xây dựng gồm 04 NL thành tố và 10 tiêu chí (biểu hiện).

Bước 4: Xin ý kiến chuyên gia về khung NL dự thảo. Sau khi xây dựng xong khung NL dự thảo, chúng tôi gửi đến các chuyên gia là những giảng viên dạy bộ môn Phương pháp dạy học Hóa học tại các trường đại học sư phạm và những GV giàu kinh nghiệm trong dạy học Hóa học ở phổ thông để xin ý kiến góp ý.

Bước 5: Chính sửa khung NL. Sau khi nhận được ý kiến phản hồi từ các chuyên gia, tiếp tục điều chỉnh và gửi đi để xin ý kiến lần 2. Qua ý kiến phân tích của các

Bước 6: Thử nghiệm. Dựa trên khung NLTH đã xây dựng, tiến hành thiết kế công cụ đánh giá và thử nghiệm đánh giá NLTH của HS ở một số trường trung học phổ thông trong dạy học Hóa học theo mô hình BL, từ đó rút ra kinh nghiệm để chỉnh sửa khung NLTH cho phù hợp.

Bước 7: Chính sửa và hoàn thiện khung NL. Sau quá trình góp ý của các chuyên gia, thử nghiệm, tiếp tục điều chỉnh để hoàn thiện khung NLTH đã đề xuất.

2.3.3. Đề xuất khung năng lực tự học của học sinh trung học phổ thông trong dạy học Hóa học theo mô hình Blended learning

Chúng tôi xây dựng khung NLTH bao gồm 4 NL thành tố, 10 tiêu chí như sơ đồ 3 dưới đây:



Sơ đồ 3. Khung NLTH của HS trung học phổ thông trong dạy học Hóa học theo mô hình BL

chuyên gia, chúng tôi mô tả lại rõ ràng hơn các tiêu chí và mức độ biểu hiện của khung NL dự thảo.

Ở mỗi tiêu chí của NL, chúng tôi xác định 3 mức độ biểu hiện tương ứng, nâng cao dần từ mức 1 đến mức 3:

Năng lực thành tố	Tiêu chí	Mức độ		
		1	2	3
1. Xác định mục tiêu học tập	Xác định các kiến thức/kỹ năng cần đạt và kiến thức/kỹ năng đã biết có liên quan.	Chưa xác định được các kiến thức/kỹ năng hóa học cần đạt và kiến thức/kỹ năng đã biết có liên quan đến nội dung/chủ đề học tập.	Xác định được các kiến thức/kỹ năng hóa học cần đạt và kiến thức/kỹ năng đã biết có liên quan đến nội dung/chủ đề học tập nhưng chưa chi tiết, chưa đầy đủ.	Xác định được chi tiết, đầy đủ các kiến thức/kỹ năng hóa học cần đạt và các kiến thức/kỹ năng đã biết có liên quan đến nội dung/chủ đề học tập.
	Xác định và đề xuất	Chưa xác định và đề xuất được các vấn đề	Xác định hoặc đề xuất được một số vấn đề trong học	Xác định và đề xuất được các vấn đề trong học

	các vấn đề trong học tập/ thực tiễn.	trong học tập/ thực tiễn có liên quan đến kiến thức hóa học của nội dung/chủ đề học tập.	tập/ thực tiễn có liên quan đến hóa học nhưng chưa thật phù hợp với nội dung/chủ đề học tập.	tập/ thực tiễn một cách khoa học, phù hợp với kiến thức hóa học của nội dung/chủ đề học tập.
2. Lập và điều chỉnh kế hoạch học tập	Xác định các điều kiện học tập hiện tại và cách học của bản thân.	Chưa xác định được rõ ràng các điều kiện học tập hiện tại và cách học của bản thân.	Xác định rõ ràng các điều kiện học tập hiện tại nhưng chưa lựa chọn được cách học phù hợp.	Xác định rõ ràng các điều kiện học tập hiện tại và lựa chọn được cách học phù hợp.
	Xác định nhiệm vụ học tập và lập thời gian biểu thực hiện.	Chưa xác định được hoặc xác định chưa cụ thể, chưa chi tiết các nhiệm vụ học tập.	Xác định được cụ thể, chi tiết các nhiệm vụ học tập nhưng chưa lập được thời gian biểu phù hợp.	Xác định được các nhiệm vụ cụ thể, chi tiết và lập được thời gian biểu phù hợp hoặc thường xuyên điều chỉnh cho phù hợp.
3. Thực hiện kế hoạch học tập	Học tập trực tuyến qua bài giảng/học liệu được cung cấp.	Chưa thực hiện được hoạt động học tập trực tuyến với bài giảng/học liệu hóa học được cung cấp.	Thực hiện thành thạo hoạt động học tập trực tuyến với bài giảng/học liệu hóa học được cung cấp nhưng chưa rút ra đầy đủ, chính xác các kiến thức hóa học cơ bản của nội dung/chủ đề học tập.	Thực hiện thành thạo hoạt động học tập trực tuyến với bài giảng/học liệu được cung cấp và rút ra đầy đủ, chính xác các kiến thức hóa học cơ bản của nội dung/chủ đề học tập.
	Tìm kiếm thông tin, tài liệu trên internet.	Chưa biết hoặc chưa thành thạo trong việc tìm thông tin, tài liệu trên internet.	Thành thạo việc tìm kiếm thông tin, tài liệu trên internet nhưng độ chính xác chưa cao, chưa phù hợp khi giải quyết các nhiệm vụ/vấn đề của nội dung/chủ đề học tập.	Thành thạo trong việc tìm kiếm các thông tin, tài liệu trên internet; thông tin, tài liệu chính xác, phù hợp để giải quyết các nhiệm vụ/vấn đề trong nội dung/chủ đề học tập.
	Trao đổi với thầy, cô, bạn học.	Chưa biết cách trao đổi với thầy, cô, bạn học để hỗ trợ/ tìm kiếm hỗ trợ khi cần thiết.	Biết cách trao đổi với thầy, cô, với bạn học nhưng chưa chủ động, chưa thường xuyên hoặc chưa hiệu quả.	Chủ động, thường xuyên trao đổi hiệu quả với thầy, cô, bạn học để hỗ trợ/ tìm kiếm hỗ trợ khi cần thiết.
	Ghi chép và trình bày kết quả học tập.	Ghi chép chưa logic, rõ ràng các kiến thức hóa học thu được từ nội dung/chủ đề học tập.	Ghi chép logic, rõ ràng các kiến thức hóa học thu được từ nội dung/chủ đề học tập bằng hình thức phù hợp nhưng chưa biết trình bày một cách khoa học.	Ghi chép logic, rõ ràng các kiến thức hóa học thu được từ nội dung/chủ đề học tập thông qua các hình thức phù hợp và trình bày một cách khoa học.
4. Đánh giá và điều chỉnh việc học	Đánh giá kết quả học tập.	Chưa xác nhận được mức độ đạt được mục tiêu học tập hoặc chưa nhận ra được sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập.	Xác nhận được mức độ đạt được mục tiêu học tập và nhận ra được sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập nhưng chưa phân tích được nguyên nhân.	Xác nhận được mức độ đạt được mục tiêu học tập; nhận ra và phân tích được nguyên nhân các sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập.
	Khắc phục sai sót, hạn chế và điều chỉnh cách học.	Chưa tìm kiếm được biện pháp để khắc phục sai sót, hạn chế và điều chỉnh cách học trong tình huống mới.	Tìm kiếm được biện pháp nhưng chưa thực sự phù hợp để khắc phục sai sót, hạn chế và điều chỉnh cách học trong tình huống mới.	Tìm kiếm được biện pháp phù hợp khắc phục hiệu quả các sai sót, hạn chế và điều chỉnh hiệu quả cách học trong tình huống mới.

3. Kết luận

Dựa trên những nghiên cứu lí luận và thực tiễn về tự học và NLTH, đặc điểm của mô hình lớp học đảo ngược trong mô hình BL để đề xuất khung NLTH của HS trung học phổ thông trong dạy học Hóa học. Khung NL này đã được chỉnh sửa, hoàn thiện dần theo góp ý của các chuyên gia và bước đầu được thử nghiệm trong quá trình giảng dạy môn *Hóa học* ở một số trường trung học phổ thông và đạt được kết quả khả quan.

Nghiên cứu này được tài trợ từ nguồn kinh phí Khoa học công nghệ của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 cho đề tài mã số: C.2018.12.

Tài liệu tham khảo

- [1] Trần Bá Hoành (2007). *Đổi mới phương pháp dạy học, chương trình và sách giáo khoa*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- [3] Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể*.
- [4] Nguyễn Thị Nga (2010). *Xây dựng và sử dụng tài liệu tự học có hướng dẫn theo module phân kiến thức cơ sở hóa học chung - chương trình trung học phổ thông chuyên hóa, góp phần nâng cao năng lực tự học cho học sinh*. Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [5] Nguyễn Thị Thanh (2016). *Vận dụng lí thuyết kiến tạo trong dạy học môn Hóa học 10 nâng cao nhằm phát triển một số năng lực cho học sinh*. Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [6] Curtis J. Bonk - Charles R. Graham (2012). *The handbook of blended learning: Global perspectives, local designs*.
- [7] Staker, H. - Horn, M.B. (2012). *Classifying K-12 blended learning*. San Mateo, CA: Innosight Institute.
- [8] Carman (2005). *Blended learning Design: Five Key Ingredients*.
- [9] Nguyễn Cảnh Toàn (2004). *Học và dạy cách học*. NXB Đại học Sư phạm.
- [10] Vũ Quốc Chung - Lê Hải Yến (2001). *Để tự học đạt được hiệu quả*. NXB Đại học Sư phạm.
- [11] Nguyễn Hữu Chung - Nguyễn Thị Phương (2017). *Phát triển năng lực tự học cho học sinh thông qua thiết kế tài liệu tự học có hướng dẫn theo module trong dạy học hóa học Chương Hidro - Nước ở trường trung học cơ sở*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 1, tr 85-95.
- [12] Đỗ Thị Thu Huyền (2017). *Thiết kế và sử dụng bộ câu hỏi định hướng bài học chương Nhóm Nito nhằm phát triển năng lực tự học cho học sinh*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 1, tr 76-84.

VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO...

(Tiếp theo trang 6)

Tài liệu tham khảo

- [1] C.Mác và Ph.Ăngghen (1976). *Toàn tập*, tập 46, phần II. NXB Tiên bộ, Mátxcova.
- [2] Hồ Chí Minh (1996). *Toàn tập*, tập 11. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [3] A.Toffler (1991). *Thăng trầm quyền lực*. NXB Thông tin lí luận.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam. (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam (2013). *Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương khóa XI*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [6] Đỗ Văn Thắng (2016). *Khoa học và công nghệ với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [7] Thành ủy, Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh (2015). *Thành phố Hồ Chí Minh - 40 năm xây dựng, phát triển và hội nhập*. NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- [8] Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (2015). *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ X*.
- [9] Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh (2016). *Những vấn đề chủ yếu của Văn kiện Đại hội Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ X, nhiệm kì 2015-2020*. NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.